

Số: /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch chung xã Na Son, tỉnh Điện Biên
đến năm 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; Luật số 144/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn; số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Tiếp theo Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 22/3/2026 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xã Na Son, tỉnh Điện Biên đến năm 2045;

Theo đề nghị của UBND xã Na Son tại Tờ trình số 1078/TTr-UBND ngày 15/6/2026 và Báo cáo thẩm định số 3117/BC-SXD ngày 10/6/2026 của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xã Na Son, tỉnh Điện Biên đến năm 2045, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

1.1. Phạm vi:

Phạm vi lập Quy hoạch chung xã Na Son, tỉnh Điện Biên đến năm 2045 được xác định là toàn bộ địa giới hành chính xã Na Son sau sáp nhập. Ranh giới khu vực lập quy hoạch được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp với xã Mường Lạn;
- Phía Nam giáp xã Phình Giàng, xã Núa Ngam.
- Phía Đông giáp với xã Xa Dung;
- Phía Tây giáp xã Pu Nhi;

1.2. Quy mô:

- Tổng diện tích khu vực lập quy hoạch: 22,854.44 ha.
- Dân số hiện trạng: 15.331 người.

1.3. Thời hạn lập quy hoạch:

- Ngắn hạn: Đến năm 2035;
- Dài hạn: Đến năm 2045.

2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

2.1. Quan điểm:

- Phù hợp quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc, định hướng tỉnh Điện Biên thời kỳ mới sau sắp xếp đơn vị hành chính.

- Quy hoạch phải kế thừa kết quả của Quy hoạch đã được phê duyệt, đồng thời phải bổ sung các yếu tố mới, cập nhật các quy hoạch liên quan, điều chỉnh các vấn đề còn bất cập, vướng mắc.

- Quy hoạch xây dựng phải gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Phát huy các lợi thế của khu vực về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, cửa khẩu quốc tế và mối liên hệ vùng, các khu dân cư làng xóm lâu đời, các giá trị di tích, lịch sử, văn hóa, để phát triển một xã có bản sắc, kinh tế đa dạng, năng động.

- Chú trọng cải tạo và nâng cấp các khu dân cư hiện hữu để khai thác tối đa các tiềm lực sẵn có về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đồng thời, tạo động lực phát triển các không gian mới.

2.2. Mục tiêu:

- Cụ thể hoá những chiến lược, định hướng phát triển của Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Điện Biên và Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã Na Son nhiệm kỳ 2025-2030, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa - không gian xã.

- Khai thác lợi thế, tiềm năng phát triển của xã dưới tác động của các dự án

chiến lược mang tính động lực và đô thị loại III của tỉnh Điện Biên, trở thành động lực kinh tế quan trọng của tỉnh, phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

- Điều chỉnh cấu trúc không gian xã: Cải tạo, chỉnh trang các khu vực hiện hữu; xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường; tạo ra các nguồn lực, hình thành các dự án trọng điểm để phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát huy lợi thế hạ tầng giao thông các tuyến Tỉnh lộ 139, 143, 146 kết nối xã với các khu vực khác của tỉnh Điện Biên và đẩy mạnh phát triển dịch vụ thương mại, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn liền với phát triển du lịch văn hóa - lịch sử - sinh thái địa phương.

- Hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn. Phát triển hệ thống giao thông liên xã, liên bản, hạ tầng cấp điện, cấp nước, thoát nước, trường học, trạm y tế, chợ và trung tâm hành chính xã. Từng bước nâng cấp hệ thống thủy lợi và cấp nước sinh hoạt nông thôn, bảo đảm phục vụ sản xuất và đời sống dân cư.

- Phát huy các tiềm năng, lợi thế của địa phương để phát triển kinh tế - xã hội. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, năng lượng và thương mại - dịch vụ - du lịch; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa phù hợp điều kiện đất đai, địa hình và nguồn nước của xã; hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với các cây trồng, vật nuôi chủ lực. Phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với quản lý, bảo vệ và sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng; nâng cao giá trị kinh tế rừng và độ che phủ rừng. Phân đầu theo định hướng đến năm 2030 tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 30% trở lên.

- Bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Bảo đảm an toàn khu dân cư, đất sản xuất và hệ thống hạ tầng. Chủ động phòng ngừa, giảm thiểu nguy cơ sạt lở đất, lũ quét, ngập úng cục bộ, bảo vệ rừng đầu nguồn, nguồn nước sinh hoạt và cảnh quan sinh thái.

- Quy hoạch sử dụng đất hợp lý, hiệu quả đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nông thôn mới, làm cơ sở để chính quyền địa phương và các tổ chức, đơn vị, quản lý, kiểm soát và triển khai quy hoạch chi tiết các khu vực, lập các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn xã theo quy định.

3. Tính chất, vai trò, chức năng

3.1. Tính chất:

- Xã Na Son là xã nông thôn có trung tâm xã được định hướng phát triển, từng bước hoàn thiện các tiêu chí để đạt tiêu chuẩn đô thị loại III; là cực phát triển trên trục động lực kinh tế gắn với Quốc lộ 12; có vai trò quan trọng về quốc phòng, an ninh.

- Xã phát triển kinh tế theo hướng nông nghiệp, lâm nghiệp, năng lượng tái tạo kết hợp du lịch, thương mại, dịch vụ; gắn với bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ

tài nguyên, môi trường, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2030, hướng tới nông thôn mới hiện đại năm 2045, phát triển hài hòa kinh tế - xã hội - môi trường, ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý và dịch vụ công.

3.2. Vai trò, chức năng:

- Vai trò:

+ Xã Na Son giữ vai trò là đơn vị hành chính cấp xã, là không gian tổ chức đời sống dân cư, sản xuất và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; đồng thời là khu vực ổn định dân cư vùng cao, bảo vệ rừng đầu nguồn, bảo đảm quốc phòng - an ninh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững của địa phương.

+ Vai trò quan trọng bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, du lịch sinh thái, du lịch lịch sử - văn hóa.

+ Đóng vai trò vùng đệm sản xuất lương thực, hỗ trợ an ninh lương thực nội vùng, giảm phụ thuộc vận chuyển từ xa.

- Chức năng:

+ Chức năng trung tâm hành chính - dịch vụ cấp xã: Tập trung các công trình hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội, phục vụ chung cho toàn xã sau sáp nhập, giảm bán kính tiếp cận dịch vụ cho người dân.

+ Chức năng tổ chức và sắp xếp không gian dân cư nông thôn: Rà soát, phân loại các điểm dân cư; định hướng ổn định, di dời hoặc tái bố trí dân cư tại các khu vực có nguy cơ thiên tai; hình thành các khu dân cư tập trung, an toàn.

+ Chức năng phát triển kinh tế đa ngành nông - lâm nghiệp, năng lượng tái tạo, du lịch và logistics gắn với quản lý, bảo vệ rừng và sử dụng đất bền vững; phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, chế biến nông sản, dịch vụ hậu cần, du lịch sinh thái - cộng đồng và kinh tế xanh.

+ Chức năng bảo tồn văn hóa và phát triển sinh kế địa phương: Bảo tồn không gian sinh hoạt văn hóa bản làng, giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc; đồng thời ổn định đời sống, sinh kế của người dân địa phương.

+ Chức năng phòng chống thiên tai và bảo đảm an ninh: Tổ chức không gian phòng chống sạt lở, lũ quét; bố trí quỹ đất phục vụ tái định cư, sơ tán khi cần thiết; bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch

4.1. Dân số và lao động:

- Đến năm 2035: Dân số khoảng 17.346 người; trong đó lao động khoảng 10.408 người.

- Đến năm 2045: Dân số khoảng 25.122 người; trong đó lao động khoảng 15.074 người.

4.2. Nhu cầu sử dụng đất đai:

- Đến năm 2035:

+ Vùng trung tâm: Đất xây dựng đô thị khoảng 223,45 ha; Đất khác khoảng 2.173,86 ha.

+ Vùng nông thôn: Đất xây dựng nông thôn khoảng 5.041,53 ha; Đất nông nghiệp khoảng 15.130,83 ha; Đất khác khoảng 284,77 ha.

- Đến năm 2045:

+ Vùng trung tâm: Đất xây dựng đô thị 272,91 ha; Đất khác khoảng 2.124,41 ha.

+ Vùng nông thôn: Đất xây dựng nông thôn khoảng 5.132,28 ha; Đất nông nghiệp khoảng 15.060,49 ha; Đất khác khoảng 264,35 ha.

4.3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: Chi tiết như phụ lục 1 kèm theo.

5. Các nội dung chính quy hoạch

5.1. Phân vùng phát triển:

(1) Vùng trung tâm

a. *Vị trí:* Vùng tập trung chủ yếu dọc theo tuyến ĐT.139 và khu vực trung tâm huyện Điện Biên Đông (cũ).

b. *Quy mô:* khoảng 2.397,32 ha.

c. *Chức năng:* là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của xã.

d. *Định hướng phát triển:*

- Xây dựng, chỉnh trang khu trung tâm xã; từng bước hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 02 cấp. Đồng thời định hướng đến năm 2035 đạt tiêu chuẩn đô thị loại III và đến năm 2045 trở thành trung tâm dịch vụ, thương mại của khu vực.

- Phát triển nông nghiệp hàng hóa gắn liền với công nghiệp chế biến. Trọng tâm là đưa vào vận hành Nhà máy chế biến cà phê để nâng cao giá trị sản phẩm và Nhà máy sản xuất phân bón để cung cấp vật tư tại chỗ, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn và hỗ trợ trực tiếp cho vùng nông nghiệp.

- Xây dựng khu Logistics bám dọc Tỉnh lộ 143 làm đầu mối thu gom, bảo quản kho lạnh và trung chuyển nông sản sau chế biến từ các nhà máy ra thị trường, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

(2) Vùng nông lâm nghiệp - năng lượng - du lịch

a. *Vị trí:* Khu vực phía Bắc và phía Nam xã Na Son

b. *Quy mô:* khoảng 20.457,12 ha.

c. *Chức năng:* Là vùng kinh tế động lực của xã, đóng vai trò then chốt trong việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ thuần nông sang mô hình nông lâm nghiệp – năng lượng – du lịch gắn với bảo vệ tài nguyên rừng, môi trường tự nhiên và phát triển kinh tế bền vững.

d. *Định hướng phát triển:*

- Sản xuất năng lượng tái tạo: Khai thác tiềm năng bức xạ nhiệt và năng lượng gió để phát triển hệ thống điện tập trung, cung cấp nguồn năng lượng sạch cho lưới điện quốc gia và hoạt động sản xuất tại chỗ.

- Trồng, chế biến nông sản chuyên sâu: Tập trung các hoạt động sơ chế, chế biến sâu (rang sấy, ép tinh dầu, đóng gói) sản phẩm hạt Mắc ca và các loại nông sản chủ lực khác của địa phương.

- Phát triển du lịch cộng đồng: Bố trí các khu du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với cảnh quan tự nhiên đồi núi, không gian cánh đồng, tổ chức các điểm dịch vụ hỗ trợ du lịch, lưu trú, trải nghiệm văn hóa bản địa.

- Kinh tế tuần hoàn: Kết nối nguồn năng lượng tại chỗ để vận hành các dây chuyền công nghiệp và hệ thống kho lạnh, đồng thời xử lý phế phẩm nông nghiệp làm phân bón hữu cơ. Sản phẩm nông lâm nghiệp đóng vai trò phát triển du lịch trải nghiệm, thương mại dịch vụ.

5.2. Định hướng phát triển không gian:

a. Định hướng khu vực trung tâm xã

- Khu trung tâm hành chính của xã được quy hoạch tập trung tại khu vực trung tâm xã hiện hữu. Quy hoạch tập trung giữ nguyên và cải tạo, nâng cấp các công trình Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ xã, xây dựng mới các Trường liên cấp (tại Na Cảnh và Tia Ghénh C), Bệnh viện đa khoa (nâng cấp từ Trung tâm y tế hiện trạng), Trung tâm hội nghị - văn hóa, Sân vận động xã, Bưu điện, Trụ sở công an xã, Ban Chỉ huy Quân sự xã... đảm bảo tiêu chí xã nông thôn mới và định hướng đạt tiêu chuẩn đô thị loại III vào năm 2035. Thực hiện rà soát, cải tạo, nâng cấp và mở rộng các trường học hiện có trên địa bàn như: THPT Trần Can và THPT Nội trú Na Son. Bổ sung mới bãi đỗ xe kết hợp khu Logistics (tổng quy mô 2,57 ha trên tuyến ĐT.143), chợ trung tâm xã và các trung tâm thương mại. Các công trình công cộng được bố trí thuận tiện với các tuyến đường giao thông đối ngoại chính (ĐT.139, QL.12) để đảm bảo bán kính phục vụ và khả năng tiếp cận của người dân trên toàn xã.

- Khu thương mại dịch vụ được quy hoạch dọc các tuyến Quốc lộ 12, ĐT.139, ĐT.143 và ĐT.146 với các công trình chức năng: Trung tâm thương mại, siêu thị, hệ thống cửa hàng kinh doanh tổng hợp, nhà hàng và trạm xăng dầu. Các công trình được bố trí liên kết mạch lạc, tạo thành các cụm dịch vụ tập trung, đóng vai trò là cửa ngõ giao thương quan trọng phục vụ nhu cầu trao đổi hàng hóa của nhân dân trong xã và các vùng lân cận thông qua Quốc lộ 12 và tuyến ĐT.146 kết nối với cao tốc Điện Biên - Sơn La.

- Khu dân cư trung tâm: Xây dựng mới 06 khu ở mới vùng trung tâm (tổng quy mô 56,12 ha) tập trung phát triển về hướng phía Bắc xã. Đồng thời, thực hiện cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu tại các tổ dân phố và bản Na Phát, Na Cảnh. Quy hoạch mở rộng các tuyến đường nội thị, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại nhằm thu hút dân cư, tạo dựng một khu trung tâm xã sầm

uất và sôi động.

- Khu dân cư hỗn hợp: Xây mới và hoàn thiện các hạ tầng xã hội phục vụ điểm dân cư trung tâm bao gồm: Khu văn hóa - thể thao (Trung tâm hội nghị và Trung tâm văn hóa), hệ thống công viên cây xanh và không gian mở (quy mô 5,53 ha), đất thương mại dịch vụ được chuyển đổi từ các trụ sở cũ.... Các khu vực này đảm bảo phục vụ tốt đời sống dân sinh, cảnh quan môi trường và các hoạt động hành chính, thương mại dịch vụ tại khu vực trung tâm xã.

b. Định hướng khu vực dân cư tập trung

- Các khu dân cư nông thôn xã Na Son dự kiến bao gồm dân cư hiện hữu và dân cư phát triển mới nằm liền kề với khu dân cư hiện hữu, trọng tâm là 06 khu ở mới vùng trung tâm (56,12 ha) phát triển về hướng Bắc và các điểm dân cư mới tại khu vực Sư Lư - Na Lanh (34,63 ha), Na Cảnh (9,68 ha) và Tà Ghénh C (8,77 ha). Các khu ở mới được nghiên cứu phù hợp với nhu cầu phát triển từng tiểu vùng, trong đó sắp xếp bố trí quỹ đất di dời, tái định cư cho các hộ dân nằm trong vùng nguy cơ cao về lũ quét và sạt lở (như 106 hộ đã phải di dời năm 2025); ưu tiên hỗ trợ nhà ở xã hội cho đồng bào dân tộc Thái, Mông, Khơ Mú, hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách. Khu vực bố trí đất ở phải gắn kết với hệ thống hạ tầng thiết yếu (điện, đường, nước sinh hoạt), đáp ứng đầy đủ Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

- Khu dân cư hiện hữu phân bố chủ yếu dọc theo tuyến Quốc lộ 12 (đoạn qua Keo Lôm), các tuyến đường tỉnh ĐT.139, ĐT.143, ĐT.146 và các trục đường liên bản huyết mạch. Trong tương lai, xã tiếp tục duy trì giải pháp phát triển dân cư theo dạng tuyến, bám ven các trục giao thông chính và các thung lũng ven suối lớn (suối Lư, suối Sam Măn, suối Na Phát), đảm bảo phục vụ tốt cả hoạt động sản xuất nông - lâm nghiệp lẫn sinh hoạt của cư dân vùng cao.

- Đề xuất các mô hình nhà ở nông thôn phù hợp với điều kiện tự nhiên đặc thù là vùng núi cao bị chia cắt mạnh, kết hợp với các khu sản xuất thuận tiện (vườn hộ, nương rẫy). Nhóm nhà ở hiện hữu thực hiện cải tạo, chỉnh trang ưu tiên theo kiến trúc bản sắc dân tộc như nhà sàn truyền thống của người Thái, Khơ Mú hoặc nhà trệt của người Mông; hình thức không gian dạng nhà vườn, diện tích mỗi hộ khoảng 400 m² - 800 m² được bố trí đầy đủ các khu vực: nhà chính, nhà phụ, công trình vệ sinh, chuồng trại và đất trồng trọt. Các khu ở mới phát triển theo hình thức nhà ở nông thôn miền núi, tầng cao từ 1 đến 3 tầng, kiến trúc mái dốc hài hòa với cảnh quan, đảm bảo vệ sinh môi trường và bắt buộc có tổ chức hầm tự hoại cho khu vệ sinh.

- Đề xuất các mô hình nhà sàn, nhà vườn và nhà nửa sàn trong các khu dân cư xây dựng mới nhằm gìn giữ hình thái bản làng và cảnh quan vùng cao, tạo lập sự hài hòa giữa yếu tố truyền thống và hiện đại trong không gian cư trú của đồng

bảo các dân tộc trên địa bàn xã.

5.3. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội:

a. Trung tâm hành chính

** Đến năm 2035:*

- Tập trung cải tạo và nâng cấp khu vực trung tâm hành chính hiện hữu (thừa hưởng từ hạ tầng của thị trấn Điện Biên Đông cũ) để làm trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND và UBMTTQ xã Na Son mới.

- Công trình công cộng: Bưu điện, Trung tâm Hội nghị - Văn hóa (quy mô 10.033m²), Sân vận động xã (1,69 ha), các trường học, Bệnh viện đa khoa (quy mô 10.245m²)... được bố trí kết hợp với một khu cây xanh - vườn hoa sử dụng công cộng.

** Đến năm 2045:* Tiếp tục thực hiện rà soát, nâng cấp và hiện đại hóa cơ sở vật chất các cơ quan hành chính xã, đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước khi dân số toàn xã dự báo đạt khoảng 25.122 người.

b. Giáo dục

** Đến năm 2035:*

- Hoàn thành xây dựng Trường liên cấp tại phía Nam bản Na Phát với quy mô 2,99 ha và các trường liên cấp tại Na Cảnh, Tà Ghénh.

- Hoàn thành việc xây dựng cơ sở vật chất, cải tạo nâng cấp hệ thống giáo dục cho 14 trường hiện có, phấn đấu 100% trường đạt chuẩn quốc gia (hiện tại là 85,7%) và kiên cố hóa 100% phòng học, phòng nội trú.

- Rà soát các điểm trường lẻ trong khu vực giao thông thuận lợi sáp nhập về điểm trường chính.

** Đến năm 2045:* Tiến hành cải tạo, nâng cấp, mở rộng quy mô các trường THCS hiện có để đáp ứng nhu cầu gia tăng dân số và giảm bán kính phục vụ.

c. Y tế

** Đến năm 2035:*

- Duy trì và cải tạo Bệnh viện đa khoa xã Na Son (thừa hưởng từ Trung tâm y tế huyện cũ) tại vị trí hiện trạng (10.245m²) đảm bảo phục vụ khám chữa bệnh cho toàn khu vực.

- Rà soát, nâng cấp các phòng chức năng của Trạm y tế xã và 02 điểm trạm theo tiêu chuẩn Thông tư 07/2026/TT-BYT để phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu của nhân dân vùng cao.

** Đến năm 2045:* Xây dựng mới hoặc mở rộng các cơ sở y tế trên địa bàn xã. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị hiện đại, tăng tỷ lệ giường bệnh và phấn đấu 95% dân số được theo dõi bằng hồ sơ sức khỏe điện tử.

d. Văn hóa, thể dục thể thao

** Đến năm 2035:*

- Xây dựng cụm Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã bằng cách kết hợp Trung tâm Hội nghị và Trung tâm Văn hóa hiện có thành một tổ hợp đa năng.
- Quy hoạch mới 01 sân thể thao cơ bản tại phía Bắc xã với diện tích 1 ha để phục vụ hoạt động tập luyện của người dân.
- Giữ nguyên và cải tạo hệ thống nhà văn hóa bản hiện có; bổ sung sân thể thao thôn tại các vị trí gần điểm trường học để tối ưu hóa quỹ đất.

** Đến năm 2045:* Tiếp tục nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã và bản, đáp ứng tiêu chí xã Nông thôn mới và đô thị loại III (vùng trung tâm).

e. Hạ tầng bưu chính.

** Đến năm 2035:*

- Nâng cấp hạ tầng tại 03 Điểm Bưu điện văn hóa xã hiện có (từ 3 khu vực sáp nhập) đảm bảo kiên cố và hiện đại.
- Liên kết hạ tầng bưu chính với khu Logistics quy hoạch mới (quy mô 1,52 ha) trên tuyến ĐT.143 và các trục giao thông huyết mạch như QL.12, ĐT.146.
- Chuyển đổi các điểm bưu điện văn hóa thành khu dịch vụ đa năng, kết hợp bưu chính công ích với thương mại điện tử và dịch vụ tài chính.

** Đến năm 2045:* Hạ tầng bưu chính xã Na Son hướng tới xây dựng hệ sinh thái thông minh, trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng và vận tải hàng hóa trên hành lang kinh tế kết nối với tuyến cao tốc Điện Biên - Sơn La.

5.4. Định hướng phát triển an ninh, quốc phòng:

** Đến năm 2035:* Tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ thống công trình quốc phòng theo quy hoạch, bao gồm: Thao trường bắn huấn luyện thường xuyên và khu sơ tán cấp ủy, chính quyền (diện tích 6,8 ha); Trận địa phòng không 12ly7 (1,5 ha) và khu vực thao trường hiện trạng (5 ha).

** Đến năm 2045:*

- Tiếp tục hoàn thiện, hình thành thế trận quốc phòng toàn dân liên hoàn, gắn chặt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

- Duy trì và nâng cấp trụ sở Công an xã tại vị trí hiện trạng (Tổ 4) với quy mô khuôn viên 43.026,2 m² và các điểm trực tại trụ sở cũ (bản Na Phát) nhằm đảm bảo điều kiện làm việc cho lực lượng công an và an ninh trật tự cơ sở.

5.5. Định hướng phát triển du lịch:

- Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa: Tập trung bảo tồn và phát triển Hội

xuân và Hội thi đấu bò (chọi bò) truyền thống của đồng bào dân tộc Mông; kết hợp trình diễn khèn Mông, trang phục truyền thống và các trò chơi dân gian (đánh tù lu, ném pao...). Hình thành tuyến du lịch văn hóa đặc sắc kết nối trung tâm xã với các điểm đến trong vùng.

- Bố trí các khu du lịch: Quy hoạch phát triển mô hình "Bản du lịch cộng đồng xã Na Son" gắn với nếp sống bản địa (tại Su Lư 1, 2 quy mô 39,03 ha) và Khu du lịch sinh thái Keo Lôm (quy mô 113,65 ha). Tổ chức các điểm dịch vụ lưu trú, trải nghiệm quy trình sản xuất và thưởng thức sản phẩm nông sản tại chỗ.

- Giữ gìn giá trị cảnh quan: Bảo vệ bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên và hệ sinh thái rừng phòng hộ đầu nguồn sông Mã, hành lang xanh ven các suối Sam Măn, suối Lư, suối Na Phát để tạo không gian sinh thái cho du lịch.

- Đảm bảo tuân thủ quy định: Quản lý hoạt động du lịch theo đúng định hướng của tỉnh Điện Biên, gắn lợi ích cộng đồng với việc quảng bá các sản phẩm OCOP thế mạnh như Mắc ca, Cà phê và Lạc đỏ Na Son.

5.6. Định hướng phát triển thương mại - dịch vụ:

** Đến năm 2035:*

- Chuyển đổi chức năng trụ sở UBND xã hiện hữu cũ thành đất thương mại dịch vụ.

- Xây dựng các công trình thương mại, dịch vụ cấp xã như trung tâm thương mại, siêu thị... gắn với các trung tâm tiểu vùng để đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của nhân dân, phục vụ yêu cầu phát triển du lịch, công nghiệp, TTCN.

- Quy hoạch cụm trung tâm mua sắm cấp vùng tại vị trí trung tâm hành chính mới. Là trung tâm thương mại phục vụ cho toàn xã, là đầu mối thương mại và du lịch.

** Đến năm 2045:* Hoàn thiện hệ thống thương mại dịch vụ tại trung tâm xã và các khu dân cư, bao gồm chợ, trung tâm thương mại, siêu thị... Xây dựng trung tâm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp tại trung tâm các tiểu vùng.

5.7. Định hướng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

** Đến năm 2035:*

- Tập trung phát triển các Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn với tổng quy mô khoảng 8,60 ha, trọng tâm là Nhà máy chế biến cà phê Na Son (5,49 ha) và Nhà máy sản xuất phân bón Na Son (3,11 ha); đóng vai trò là hạt nhân thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển nông nghiệp hàng hóa của xã.

- Định hướng ngành nghề chủ đạo: Tập trung vào chế biến sâu nông - lâm sản thế mạnh như Mắc ca, cà phê; sản xuất phân bón hữu cơ từ phế phẩm nông nghiệp (theo mô hình kinh tế tuần hoàn); duy trì và phát triển các nghề tiểu thủ công

ng nghiệp truyền thống như xay xát, sửa chữa nông cụ, dệt thổ cẩm và nghề mộc.

- Từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại các cơ sở chế biến (giao thông kết nối vùng nguyên liệu, hệ thống điện sản xuất, cấp thoát nước); đặc biệt chú trọng xây dựng hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn sản xuất chuyên biệt, đảm bảo đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả thải.

- Khuyến khích các cơ sở tiểu thủ công nghiệp, hộ kinh doanh nhỏ lẻ có nguy cơ gây ô nhiễm hoặc tiếng ồn di dời vào các khu vực sản xuất tập trung; đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh tối thiểu 100m đối với khu dân cư, trường học và trạm y tế.

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và cải tiến quy trình sơ chế để nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP (Lạc đỏ Na Son, Nếp tan Sứ Lư...); từng bước áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất sạch và bảo vệ thương hiệu nông sản địa phương.

** Đến năm 2045:*

- Phát triển các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và thân thiện với môi trường; trở thành trung tâm chế biến nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp phục vụ cho khu vực và các xã lân cận.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các lĩnh vực: Chế biến sâu nông - lâm sản nâng cao giá trị gia tăng gắn với vùng nguyên liệu ổn định (3.000 ha Mắc ca và 1.000 ha cà phê); phát triển các dự án năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió) để cung cấp năng lượng sạch cho hoạt động sản xuất tại chỗ.

- Hình thành chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ khép kín, gắn kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp đầu tư với vùng sản xuất nông - lâm nghiệp của nhân dân địa phương.

- Ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, tự động hóa và chuyển đổi số trong quản lý vận hành các nhà máy và cơ sở sản xuất; nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm Na Son trên thị trường trong và ngoài tỉnh.

- Đảm bảo phát triển công nghiệp gắn liền với bảo vệ nghiêm ngặt môi trường sinh thái rừng đầu nguồn sông Mã, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai và thích ứng bền vững với biến đổi khí hậu.

5.8. Định hướng khu sản xuất nông nghiệp tập trung:

- Bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn trên địa bàn xã Na Son đảm bảo các nguyên tắc sau:

- + Về vị trí là khu vực đầu mối giao thông chính của xã nhằm kết nối, vận chuyển hàng hóa an toàn, thuận lợi, đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường cho khu dân cư theo quy định.

- + Về quy mô đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế thực tiễn của xã, phù hợp với quy hoạch chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quy hoạch vị trí, quy mô: Sản xuất nông nghiệp (chủ yếu là chế tạo nông cụ, công nghiệp chế biến gắn với các vùng sản xuất chuyên canh); thương mại (chuyên doanh buôn bán nông sản và vật tư nông nghiệp, chế biến bảo quản, kho bãi); về dịch vụ sản xuất nông nghiệp, thị trường (xúc tiến thương mại; quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng; phòng chống thiên tai; bảo vệ môi trường). Ưu tiên hỗ trợ nhóm sản phẩm đặc sản địa phương gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

- Bố trí vùng sản xuất:

+ Các vùng đất đai màu mỡ, thuận lợi về địa hình thì giữ nguyên trồng lúa.

+ Những vùng đất thấp, trũng thường xuyên ngập úng có thể chuyển sang phát triển nuôi trồng thủy sản, kết hợp chăn nuôi thủy cầm,...

+ Các vùng đất cao, khó khăn về nguồn nước có thể chuyển sang trồng cây ăn quả, rau màu,...

- Đầu tư thâm canh, nâng cao hiệu quả kinh tế, chú trọng phát triển mạnh các loại cây lúa, cây màu cho hiệu quả kinh tế cao. Duy trì quy hoạch và nhân rộng mô hình cánh đồng cho năng suất cao, tạo vùng sản xuất hàng hóa nông sản tập trung. Phát triển chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp, bán công nghiệp. Phát huy thế mạnh kinh tế rừng.

- Hình thành điểm dịch vụ hỗ trợ sản xuất, là điểm sơ chế nông sản giúp nâng cao giá trị và chất lượng sản phẩm. Đồng thời là điểm trao đổi mua bán nông sản và các mặt hàng phục vụ phát triển nông nghiệp địa phương, hướng tới quảng bá sản phẩm đặc trưng của xã.

5.9. Quy hoạch sử dụng đất: Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo.

5.10. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

5.10.1. Định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

Định hướng san nền phù hợp địa hình miền núi, hạn chế đào đắp lớn, đảm bảo ổn định nền xây dựng và an toàn trước nguy cơ sạt lở, lũ quét. Hệ thống thoát nước mặt tổ chức theo nguyên tắc tự chảy, kết hợp rãnh thoát nước, taluy và công trình bảo vệ nền nhằm giảm ngập úng, xói mòn và bảo vệ cảnh quan tự nhiên.

- Toàn bộ khu vực nghiên cứu chia làm 03 lưu vực chính:

+ Lưu vực I: Lưu vực phía Bắc và Đông khu vực lập quy hoạch, diện tích lưu vực khoảng 14.760,44ha. Hướng thoát chính thoát về khe, suối hiện trạng rồi thoát về hướng Đông xã vào suối Lư.

+ Lưu vực II: Lưu vực phía Nam khu vực lập quy hoạch, diện tích lưu vực khoảng 5.033 ha. Hướng thoát chính thoát về suối Sam Măn rồi thoát đi về hướng Đông ra suối Lư.

+ Lưu vực III: Lưu vực phía Tây Nam khu vực lập quy hoạch, diện tích lưu vực khoảng 3.061 ha. Hướng thoát chính thoát về các suối Nậm Ngam.

Định hướng không chế cao độ nền:

- Đối với khu vực hiện trạng: cơ bản giữ nguyên nền tự nhiên, cải tạo cục bộ tại các vị trí thấp trũng; từng bước xử lý nền hoặc tôn nền tại các khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng bởi ngập úng. Các khu vực có nguy cơ lũ quét, sạt lở được định hướng di dời đến nơi an toàn.

- Đối với khu vực xây dựng mới:

- + Khu vực địa hình thấp, trũng: tôn nền đến cao độ đảm bảo an toàn xây dựng và phù hợp với khu vực xung quanh.

- + Khu vực đồi dốc: bố trí công trình bám theo địa hình tự nhiên, xây dựng giạt cấp, kết hợp taluy và tường chắn nhằm đảm bảo ổn định nền dốc.

- + Khu vực ven suối, khe tự thủy: cao độ nền xây dựng đảm bảo cao hơn mực nước lũ lớn nhất tối thiểu 1,0 m.

5.10.2. Định hướng phát triển hệ thống giao thông

a) Giao thông đối ngoại:

- Đường Quốc lộ 12: nâng cấp, cải tạo tuyến đường đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp III, IV miền núi; quy mô B mặt 7m, B nền 9m-12m.

- Đường tỉnh 146 nâng cấp, cải tạo tuyến đường đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp V miền núi; quy mô B mặt 5,5m, B nền 6,5m-7,5m.

- Đường tỉnh 143 nâng cấp, cải tạo tuyến đường đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp V miền núi; quy mô B mặt 5,5m, B nền 6,5m-7,5m.

- Đường tỉnh 139 nâng cấp, cải tạo tuyến đường đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV miền núi; quy mô B mặt 7m, B nền 8 m-9m. Đoạn chạy qua đô thị cải tạo mở rộng mặt đường 10,5m, hè 5m.

- Đường tỉnh 139B tuyến mở mới đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp V miền núi; quy mô B mặt 5,5m, B nền 6,5m-7,5m.

b) Giao thông đối nội:

- Tuyến đường tỉnh 139 chạy trong khu trung tâm đô thị mở rộng 32m, trong đó lòng đường 22m, hè 2 bên 2x5,0m.

- Tuyến đường tỉnh 143 chạy vào khu vực phát triển đô thị phía Bắc trung tâm cũ mở rộng 13,0 m, trong đó lòng đường 7m, hè 2 bên 2x3,0m.

- Tuyến đường cấp đô thị từ Chân đài tưởng niệm sang tổ 2 mở rộng 32m, trong đó lòng 22m, hè 2 bên 2x5,0m.

- Các tuyến đô thị còn lại (Cấp đường phân khu vực) trong vùng đô thị loại 3 (vùng trung tâm) có quy mô mặt cắt các tuyến đường giữ nguyên theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt không mở mới và điều chỉnh.

- Đường vào thôn bản: nâng cấp các tuyến hiện trạng và xây dựng bổ sung các tuyến kết nối bản, quy mô tối thiểu B mặt 3,0-3,5m, B nền 4,0-6,0m, phù hợp điều kiện địa hình đảm bảo xe tải có thể vào bản phục vụ sinh hoạt.

- Đường ngõ xóm, nội đồng và đường phục vụ sản xuất: cải tạo, mở mới phù hợp điều kiện địa hình, đạt tiêu chuẩn tối thiểu có quy mô B mặt 3,0m, B nền 5,0m.

5.10.3. Định hướng phát triển hệ thống cấp điện

* Nguồn điện lấy qua trạm BA 110KV Điện Biên thuộc lộ 377 E21.2 tại đầu thành phố Điện Biên, cấp điện trực tiếp thị trấn là tuyến trung thế 35KV chạy dọc theo trục chính trung tâm xã. Ngoài ra nguồn điện có thể dùng các nguồn từ dự án sắp tới triển khai trên địa bàn gồm các dự án điện năng lượng, thủy điện.

* Lưới điện trung thế, hạ thế

- Tiếp tục duy trì, cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện hiện trạng; mở rộng cấp điện đến các khu dân cư, khu sản xuất và các điểm phát triển mới trên địa bàn xã.

- Từng bước nâng cấp, chuẩn hóa hệ thống lưới điện trung thế, hạ thế nhằm nâng cao chất lượng cung cấp điện, giảm tổn thất điện năng và đảm bảo an toàn vận hành.

- Các tuyến điện trung thế, hạ thế ưu tiên bố trí dọc theo các tuyến giao thông để thuận lợi quản lý, đấu nối và hạn chế ảnh hưởng đến cảnh quan tự nhiên.

- Dự kiến đầu tư xây dựng thêm 6 trạm mới, nâng cấp 3 trạm biến áp cũ. Công suất các trạm từ 250kVA-1700kVA-35/0,4kV. Sử dụng trạm biến áp treo hoặc trạm biến áp hợp bộ cho khu vực trung tâm đô thị. Khu phía Bắc và Nam tổng 14 trạm biến áp công suất từ 75kVA-250kVA-35/0,4kV

* Chiếu sáng

- Từng bước đầu tư hệ thống chiếu sáng tại khu vực trung tâm xã, các công trình công cộng và các tuyến giao thông chính.

- Hệ thống chiếu sáng sử dụng đèn tiết kiệm điện, phù hợp điều kiện miền núi, đảm bảo an toàn giao thông, mỹ quan và nhu cầu sinh hoạt của người dân.

- Lưới điện chiếu sáng được bố trí đồng bộ với hệ thống giao thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

* Trạm biến áp

Tiếp tục khai thác các trạm biến áp hiện có; đồng thời cải tạo, nâng công suất tại các khu vực có nhu cầu sử dụng điện tăng cao.

Các trạm biến áp xây dựng mới được bố trí phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, thuận lợi đấu nối và quản lý vận hành.

Khuyến khích sử dụng các dạng trạm hợp bộ, trạm kín nhằm tiết kiệm diện tích xây dựng, đảm bảo an toàn và phù hợp cảnh quan khu dân cư.

5.10.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước

a) Nguồn nước:

Khu nông thôn làng bản, nguồn nước phục vụ sinh hoạt của xã chủ yếu khai thác từ các khe suối tự nhiên và các công trình cấp nước tự chảy hiện có. Định hướng tiếp tục tận dụng nguồn nước tại chỗ, ưu tiên giải pháp cấp nước tự chảy phù hợp điều kiện địa hình miền núi và phân bố dân cư phân tán. Hiện nay, tất cả các bản của

xã đều có bể nước sinh hoạt. Trong thời gian tới tiến hành xây mới hoặc nâng cấp bể dự trữ nước và đường ống dẫn nước ở tất cả các thôn bản trên địa bàn xã.

Giai đoạn đến năm 2035: nhu cầu dùng nước toàn xã 1465 m³/ng.đ. Giai đoạn 2045: nhu cầu toàn xã 3000 m³/ng.đ.

Khu trung tâm đô thị, nguồn nước: Lấy từ hồ của nhà máy nước (Lấy từ suối Na Cò Phương, đồi Cây khế, bản Na Son).

Các khu trung tâm điểm dân cư tập trung mật độ dân số cao (hiện trạng và quy hoạch) như các điểm quy hoạch khu du lịch (khu phía Bắc xã, bản Keo Lôm), các khu vực quy hoạch xây dựng trường liên cấp bố trí xây các trạm cấp nước phục vụ (Công suất trạm được tính toán cụ thể ở bước lập dự án đầu tư).

Các công trình cấp nước tập trung hiện hữu được duy trì, từng bước nâng cấp để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước tại khu trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung.

b) Giải pháp cấp nước:

- Duy trì, khai thác hiệu quả các công trình cấp nước hiện trạng; thực hiện nâng cấp, sửa chữa và bảo dưỡng định kỳ nhằm đảm bảo hoạt động ổn định, đặc biệt đối với các công trình bị xuống cấp hoặc hư hỏng do thiên tai.

- Từng bước xây dựng các công trình cấp nước tập trung quy mô phù hợp tại các điểm dân cư đông; ưu tiên các bản có điều kiện thuận lợi về nguồn nước.

c) Chữa cháy:

Hệ thống cấp nước được kết hợp phục vụ chữa cháy theo quy định hiện hành. Lưu lượng nước chữa cháy ngoài nhà và số đám cháy đồng thời được xác định theo quy mô dân số, tính chất khu dân cư và loại công trình theo quy chuẩn phòng cháy, chữa cháy hiện hành.

Đối với các khu dân cư phân tán, xa mạng lưới cấp nước tập trung, sử dụng kết hợp các nguồn nước tại chỗ như bể chứa, ao, suối và các công trình trữ nước để phục vụ chữa cháy.

5.10.5. Định hướng phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải, nghĩa trang

a) Hệ thống thoát nước thải:

- Đối với khu vực trung tâm đông dân cư: Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng. Toàn bộ nước thải được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung, quy mô giai đoạn ngắn hạn 360 m³/ng.đ, giai đoạn dài hạn nâng công suất lên 1.115 m³/ng.đ.

- Đối với khu vực dân cư tại các bản: Sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng, nước thải xử lý nước thải cục bộ tại hộ gia đình và các cơ quan bằng bể tự hoại 3 ngăn hợp quy cách, khuyến khích sử dụng các loại bể tự hoại cải tiến. Xây dựng hệ thống cống bao, giếng tách dòng ở cuối nguồn, sau đó đưa về các trạm xử lý cục bộ tại các bản.

b) Quản lý chất thải rắn:

- Rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển về khu xử lý rác thải tập trung tại khu phía Đông Nam khu trung tâm, quy mô 7,6 ha.

- Đối với CTR công nghiệp: Các khu tiểu thủ công nghiệp, nhà máy có điểm lưu giữ CTR công nghiệp và xử lý sơ bộ theo quy định về quản lý CTR công nghiệp.

- Đối với CTR nông nghiệp: Các vùng sản xuất nông nghiệp (vùng trồng lúa, vùng trồng rau sạch, vùng trồng cây ăn quả có múi, vùng chăn nuôi tập trung...), quy hoạch hệ thống thu gom bao bì, chai lọ đựng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón và xử lý theo quy trình chất thải rắn nguy hại. Đối với chất thải rắn phát sinh từ các sản phẩm nông nghiệp như rơm rạ, thân cây trồng, phân gia súc, gia cầm... phần lớn tái sử dụng làm thức ăn cho gia súc, phần còn lại xử lý bằng phương pháp ủ phân vi sinh, đốt tại chỗ.

c. Nghĩa trang:

- Giai đoạn ngắn hạn: Sử dụng các nghĩa trang hiện có còn đủ diện tích, đủ điều kiện để tiếp tục chôn cất, lấp đầy các nghĩa trang hiện có trong các thôn, xã đảm bảo khoảng cách an toàn tới khu dân cư cùng với quá trình nâng cấp cải tạo theo đúng quy định.

- Giai đoạn dài hạn: Nâng cấp, cải tạo kết hợp mở rộng nghĩa trang tại khu trung tâm làm nghĩa trang tập trung cho toàn xã.

5.10.6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông

- Phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông xã theo định hướng chung của tỉnh. Mạng truyền dẫn thế hệ mới phải được áp dụng công nghệ truyền dẫn tiên tiến, có cấu trúc đơn giản trên cơ sở mạng truyền dẫn hiện có. Toàn bộ các cơ quan hành chính nhà nước sử dụng cổng/trang thông tin điện tử và mạng xã hội để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin, tiếp nhận và phản hồi ý kiến của người dân về việc thực hiện quản lý nhà nước của ngành, của xã.

- Tiếp tục phát triển mạng truyền dẫn quang theo mô hình mạng NGN đa dịch vụ. Thông tin di động phát triển theo hướng mở rộng vùng phủ sóng, khắc phục các điểm lổm sóng bằng cách tăng thêm các vị trí phát sóng, tăng máy thu phát tại các trạm đã lắp đặt để nâng cao chất lượng phục vụ mạng. Thực hiện phủ sóng thông tin di động 4G/5G đến 100%. Phát triển hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5.11. Đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường:

- Nâng cao nhận thức của người dân và các tổ chức, cơ quan về bảo vệ môi trường theo hướng bền vững.

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước: bảo vệ không gian mặt nước, cấm mọi hình thức xả thải không qua xử lý trực tiếp ra nguồn.

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí tiếng ồn thông qua việc trồng cây xanh cách ly, không cho lưu hành xe quá thời hạn sử dụng...

- Giảm thiểu ảnh hưởng tai biến môi trường; thiết lập hệ thống quan trắc giám sát môi trường.

- Dự án đầu tư xây dựng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm thực hiện kiểm tra, đóng dấu thẩm định, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra và giám sát chặt chẽ hoạt động đầu tư xây dựng phát triển trên địa bàn theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định này.

2. UBND xã Na Son có trách nhiệm tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch, tổ chức cắm mốc giới ngoài thực địa, lưu trữ hồ sơ và thực hiện công tác quản lý đất đai, quản lý trật tự xây dựng nghiêm ngặt theo đúng đồ án quy hoạch được duyệt; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch, trình thẩm định, phê duyệt theo trình tự, quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Na Son và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Đảng ủy, UBND xã Na Son;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Phú